

Số: 03/2025/QĐST-DS

Hoàn Kiếm, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận hòa giải thành của các đương sự ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó và đề nghị Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ. Trụ sở: Số 22 Ng, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Th – Chức vụ: Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-Đ ngày 10/6/2020.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Chính H1, ông Đỗ Hoàng Qu, ông Lữ Đình M theo Giấy ủy quyền số 22004/UQ-Đ ngày 03/10/2024.

*** Bị đơn:**

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987

- Bà Nguyễn HT, sinh năm 1985

Cùng HKTT: Thôn H3, xã B, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc. Cùng nơi ở hiện tại: Căn 2310 Tòa N02 Chung Cư 87 L2, phường M1, quận H2, thành phố Hà Nội

Bà Nguyễn HT đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Văn Đ theo Giấy ủy quyền ngày 03/01/2025 tại Văn phòng công chứng Tr1.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các bên đương sự xác nhận đã ký kết:

1.1. Hợp đồng cho vay số 6911/2023/HĐTD/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023.

1.2. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2023;

1.3. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6911/2023/HĐBĐ/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023;

2. Các bên đương sự xác nhận:

2.1. Tổng số tiền Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn HT theo Khế ước nhận nợ ngày 21/11/2024 là 11.700.000.000 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm nghìn đồng) theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản Khúc Thị Thanh L3.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn HT xác nhận đã nhận được 11.700.000.000 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm nghìn đồng).

2.2. Tổng số tiền ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn HT đã sử dụng tại thẻ tín dụng (vật chất) của Ngân hàng TMCP Đ phát hành là 100.000.000 đồng.

3. Các bên đương sự xác nhận, tính đến ngày 25/02/2025, đồng bị đơn đã trả cho Ngân hàng TMCP Đ:

3.1. Theo Hợp đồng cho vay số 6911/2023/HĐBĐ/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023, tổng số tiền đã trả là 222,680,603 đồng, trong đó:

Nợ gốc đã trả : 78,260,152 đồng

Nợ lãi đã trả : 144, 420, 491 đồng

3.2. Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2023, tổng số tiền đã trả là 25,070,074 đồng, trong đó:

Nợ gốc đã trả : 18,370,074 đồng

Nợ lãi đã trả : 6,700,000 đồng

4. Các bên đương sự xác nhận, tính đến ngày 25/02/2025, đồng bị đơn còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 13,249,829,154 đồng (Mười ba tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng), trong đó:

4.1. Theo Hợp đồng cho vay số 6911/2023/HĐBĐ/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023, tổng số tiền còn nợ là 13,135,075,279 đồng (Mười ba tỷ một trăm ba mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc : 11,621,739,848 đồng

+ Nợ lãi trong hạn : 1,399,764,921 đồng

+ Nợ lãi quá hạn : 113,570,510 đồng

4.2. Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2023, tổng số tiền còn nợ là 114,753,875 đồng, trong đó:

Nợ gốc chưa trả : 81,629,926 đồng

Nợ lãi chưa trả: 33,123,949 đồng

4.3. Đồng bị đơn, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn HT có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 6911/2023/HĐBĐ/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2023, kể từ ngày 26/2/2025 cho đến khi tất toán khoản vay.

5. Các bên đương sự xác nhận, tài sản bảo đảm cho khoản vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tại mục 1 tại Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất số 6911/2023/HĐBĐ/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023 là Quyền sử dụng đất của Bên thế chấp ông Đ bà HT đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD792087, số vào sổ cấp GCN: CS07514 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái cấp ngày 10/01/2022 cho ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị Minh H4. Ngày 12/10/2023, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Yên Bái xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn HT theo Hợp đồng chuyển nhượng số: 5423 ngày 09/10/2023 tại Phòng Công chứng Vũ Bích H5. Tài sản thế chấp đã được Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Yên Bái.

6. Các đương sự xác nhận phương án hòa giải cụ thể như sau:

6.1. Ngân hàng TMCP Đ đồng ý chậm nhất ngày 25/4/2025, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn HT phải tất toán toàn bộ khoản vay gồm gốc, lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) **theo** Hợp đồng cho vay số 6911/2023/HĐTD/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/11/2023 đã ký với PVcomBank.

6.2. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn HT không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ nợ theo thỏa thuận vào ngày 25/02/2025, PVcomBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay **theo** Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6911/2023/HĐBĐ/Đ-TTBHN-HAN ngày 21/11/2023 là quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD792087, số vào sổ cấp GCN: CS07514 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái cấp ngày 10/01/2022 cho ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị Minh H4, ngày 12/10/2023, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Yên Bái – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Yên Bái xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn HT theo Hợp đồng chuyển nhượng số: 5423 ngày 09/10/2023 tại PCC Vũ Bích Huệ.

6.3. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn HT tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ khoản vay cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

III. Về án phí:

Ghi nhận sự tự nguyện chịu cả toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành của ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn HT là **60,624,914 đồng (Sáu mươi triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, chín trăm mười bốn đồng).**

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60,272,646 đồng (Sáu mươi triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng) tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, biên lai số 00069084 ngày 23 tháng 10 năm 2024.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục Thi hành án DSQHK;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN**NGUYỄN THU HÀ**